

THÔNG TƯ

**Hàng đơn vị viết, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thu, lệ phí
hàng quan liêu và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các Doanh nghiệp kinh
doanh dịch vụ chuyên phát nhanh ngân hàng không quốc tế**

Căn cứ Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17 tháng 06 năm 2003; Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Hàng quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng quan; Luật Giao dịch tín dụng số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005; các văn bản hướng dẫn kèm theo.

Căn cứ Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính số 44/2002/PL-UBTVQH10 ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02 tháng 4 năm 2008; Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ Quy định chi tiết, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn đơn vị viết, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thu và lệ phí hàng quan liêu và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyên phát nhanh ngân hàng không quốc tế như sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn đơn vị viết, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai thu thu, lệ phí hàng quan liêu và hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Biên lai) của các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyên phát nhanh ngân hàng không quốc tế và xử lý vi phạm hành chính liên quan đến đơn vị viết, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai.

i u 2. i t ng áp d ng

1. Doanh nghi p kinh doanh d ch v chuy n phát nhanh ng hàng không qu c t i v i hàng hóa xu t kh u, nh p kh u theo quy nh hi n hành c a pháp lu t Vi t Nam (sau ây g i t t là Doanh nghi p).

2. C quan, t ch c, cá nhân có hàng hóa xu t kh u, nh p kh u g i qua d ch v chuy n phát nhanh ng hàng không qu c t (d i ây g i t t là Khách hàng).

3. C quan H i quan.

i u 3. N i dung Biên lai

1. Biên lai thu thu , phí h i quan là n ch thu do c quan h i quan u nhi m cho Doanh nghi p t o ra trên các thi t b tin h c, ghi nh n thông tin s thu , l phí h i quan ph i thu c a Khách hàng theo quy nh pháp lu t khi cung c p d ch v chuy n phát nhanh ng hàng không qu c t i v i hàng hoá xu t kh u, nh p kh u.

2. N i dung chi ti t c a Biên lai:

2.1. N i dung b t bu c trên Biên lai:

- Tên Biên lai: Biên lai thu thu , l phí h i quan;

- Ký hi u m u s Biên lai: Là thông tin th hi n ký hi u tên lo i Biên lai, s liên, s th t m u trong m t lo i Biên lai;

- Ký hi u Biên lai: Là d u hi u phân bi t Biên lai b ng h th ng ch cái ti ng Vi t và n m phát hành Biên lai;

- S sê ri: Là mã s c a Biên lai;

- Tên liên Biên lai: Liên Biên lai là các t trong cùng m t s Biên lai. M i s Biên lai ph i có t 2 liên tr lên và t i a không quá 9 liên và các Liên ph i th hi n cùng m t n i dung. Trong ó:

+ Liên 1: L u t i Doanh nghi p.

+ Liên 2: Giao c quan h i quan (n i Doanh nghi p ng ký t khai h i quan).

+ Liên 3: Giao Khách hàng.

+ Liên 4 tr i ph i c t tên theo m c ích s d ng c a Liên.

- S th t Biên lai: Là s th t theo dãy s t nhiên trong ký hi u Biên lai, g m 07 ch s trong m t ký hi u Biên lai;

- Tên, a ch , mã s thu c a Khách hàng;

- S t khai h i quan, ngày... tháng... n m; ng ký t i Chi c c H i quan... thu c C c H i quan.....

- S hi u tài kho n...;

- Hình th c thanh toán...;

- Tên, a ch , mã s thu c a Doanh nghi p;

- Thu nhập khấu; thu TT B; thu GTGT; thành tiền (ghi bằng số và bằng chữ);

- Lãi phí hិ quan (nếu có);

- Tổng số tiền thu, lãi phí hិ quan phải nộp;

- Họ và tên người tạo Biên lai; ngày tháng năm tạo Biên lai.

- Biên lai thể hiện bằng tiếng Việt hoặc tiếng Việt không dùng chữ số không dùng từ viết tắt sai lệch nội dung của Biên lai. Trường hợp cần ghi thêm chữ số ngoài thì chữ số ngoài viết bên phải trong ngoặc () hoặc viết ngay dưới dòng tiếng Việt và có chữ viết tắt tiếng Việt.

Số tiền ghi trên Biên lai là các chữ số tự nhiên: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9; Doanh nghiệp lập năm tạo trong hai cách ghi chữ số như sau:

+ Sau chữ số hàng nghìn, triệu, nghìn, triệu, tỷ phải dùng chữ số (.); nếu có ghi chữ số sau chữ số hàng nghìn phải dùng chữ số (.) sau chữ số hàng nghìn;

+ Sau chữ số hàng nghìn, triệu, nghìn, triệu, tỷ phải dùng chữ số (.) sau chữ số hàng nghìn.

Mức thuế trên Biên lai sẽ được giảm thuế Doanh nghiệp phải có cùng kích thước.

2.2. Nội dung không bắt buộc:

Ngoài các nội dung bắt buộc theo hướng dẫn tại điểm 2.1 khoản 2 điều này, các Doanh nghiệp chuyên phát nhanh có thể tự thêm các thông tin khác phục vụ cho hoạt động quản lý, kinh doanh (kể lô-gô, hình ảnh trang trí hoặc quảng cáo).

Các thông tin tự thêm phải phù hợp với pháp luật hiện hành, không che khuất, làm mờ các nội dung bắt buộc phải có trên Biên lai.

Điều 4. Trách nhiệm của Doanh nghiệp và cơ quan Hិ quan

1. Trách nhiệm của Doanh nghiệp:

1.1. Tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai theo hướng dẫn tại điều 5 Thông tư này; Không tạo, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai trái quy định của pháp luật về thuế, lệ phí của Nhà nước cho các khách hàng.

1.2. Gửi Thông báo phát hành Biên lai và các Báo cáo theo hướng dẫn tại Thông tư này (sau đây gọi tắt là Báo cáo).

1.3. Các Doanh nghiệp chuyển tạo Biên lai và giao cho Khách hàng theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của cơ quan Hិ quan:

2.1. Tổng cục Hិ quan (Vào Tài vụ quản trị) cần các nội dung phát hành Biên lai của Doanh nghiệp hướng dẫn tại điều 6 Thông tư này để thực hiện xây dựng hệ thống dữ liệu thông tin và phát hành Biên lai trên trang thông tin internet.

c a T ng c c H i quan m i t ch c, cá nh n tra c u c n i dung c n thi t v Biên lai ã thông báo phát hành c a Doanh nghi p.

2.2. Qu n lý vi c t o, phát hành, s d ng và qu n lý Biên lai thu thu và l phí h i quan c a các Doanh nghi p theo h ng d n t i i u 8 Thông t này.

2.3. Ki m tra Thông báo phát hành Biên lai và các Báo cáo do Doanh nghi p g i n.

Ch ng II **T O, PHÁT HÀNH, S D NG VÀ QU N LÝ BIÊN LAI**

i u 5. T o Biên lai

1. Biên lai c t o ph i m b o:

1.1. Ph n m m ng d ng in Biên lai ph i áp ng yêu c u b o m t b ng vi c phân quy n cho ng i s d ng, ng i không c phân quy n không c can thi p làm thay i d li u trên ng d ng.

1.2. Vi c ánh s th t c th c hi n t ng, m i liên c a m t s Biên lai ch c in ra m t l n.

2. Biên lai ph i c t o vào cùng ngày ho c ngày sau li n k (bao g m c ngày th 7, ch nh t và ngày l) v i ngày ng ký t khai h i quan.

3. N i dung ghi trên các liên Biên lai cùng s ph i gi ng nhau. N i dung trên Biên lai ph i úng n i dung nghi p v kinh t phát sinh; không c t y xóa, s a ch a; ph i dùng cùng màu m c, lo i m c không phai, không s d ng m c ; ch s và ch vi t ph i liên t c, không ng t quãng, không vi t ho c in è lên ch in s n và g ch chéo ph n còn tr ng (n u có); các thông tin th hi n trên Biên lai ph i kh p v i thông tin t i T khai h i quan và các ch ng t khác trong h s h i quan.

i u 6. Thông báo phát hành Biên lai

1. Các Doanh nghi p tr c khi s d ng Biên lai t t o theo h ng d n t i i u 5 ph i l p Thông báo phát hành Biên lai theo m u s 1 ban hành kèm theo Thông t này.

2. Thông báo phát hành Biên lai g m: Tên n v phát hành Biên lai, mã s thu , a ch , i n tho i, lo i Biên lai phát hành (tên lo i Biên lai, ký hi u Biên lai, ngày b t u s d ng, Biên lai m u), ngày l p Thông báo phát hành Biên lai, tên, ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t và d u c a Doanh nghi p.

Tr ng h p có s thay i a ch kinh doanh ho c n i dung ã thông báo phát hành, Doanh nghi p ph i g i Thông báo phát hành Biên lai cho C h i quan t nh, thành ph n i Doanh nghi p ng ký phát hành Biên lai.

Tr ng h p Doanh nghi p khi g i thông báo phát hành t l n th 2 tr i, n u không có s thay i v n i dung và hình th c Biên lai phát hành thì không c n ph i g i kèm Biên lai m u.

3. Biên lai mua là bản in thì hiển ứng, các tiêu thức trên các liên của Biên lai giao cho Khách hàng lo việc phát hành, có số Biên lai là một dãy các chữ số 0 và in hoa có ý nghĩa “Mã” trên tờ Biên lai. Trên mua Biên lai thì in phải có chữ ký, ghi rõ họ, tên của người mua và người bán.

4. Thông báo phát hành Biên lai và Biên lai mua phải có ghi rõ tên Công ty quan trọng, thành phần của Doanh nghiệp phải ký và khai báo trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký Thông báo phát hành Biên lai. Thông báo phát hành Biên lai gồm có Biên lai mua phải có niêm yết ngay tại các cửa sổ tiếp nhận Biên lai trong suốt thời gian sử dụng Biên lai.

Trên hợp đồng Doanh nghiệp có các nội dung về thu, chi nhánh có sử dụng chung mua Biên lai của Doanh nghiệp thì đồng nội dung về thu, chi nhánh phải ghi Thông báo phát hành Biên lai cho Công ty quan trọng, thành phần của Doanh nghiệp phải ký và khai báo.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo phát hành Biên lai và Biên lai mua, Công ty quan trọng, thành phần của Doanh nghiệp phải ký và khai báo Thông báo phát hành Biên lai của Doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo thông tin phát hành Biên lai trên trang thông tin internet của ngành Hàng hóa. Trên hợp đồng phải ghi rõ Thông báo phát hành Biên lai không có nội dung theo đúng quy định thì trong thời hạn tối đa mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo phát hành Biên lai, Công ty quan trọng, thành phần của Doanh nghiệp phải ký và khai báo Thông báo phát hành Biên lai của Doanh nghiệp phải có văn bản thông báo cho Doanh nghiệp bị tố. Doanh nghiệp có trách nhiệm chịu trách nhiệm ra Thông báo phát hành Biên lai mua.

Điều 7. Sử dụng Biên lai

1. Nguyên tắc sử dụng Biên lai:

1.1. Sau khi tạo Biên lai, Doanh nghiệp phải giao Biên lai cho Khách hàng theo hướng dẫn của Thông tư này khi làm xong thủ tục hàng hóa.

1.2. Phải sử dụng Biên lai theo đúng thủ tục và số liên, không được cắt dán.

1.3. Khách hàng có sử dụng Biên lai hợp pháp để hạch toán kế toán hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán; kê khai, kê thu, phí theo quy định.

2. Xử lý lỗi của Biên lai đã tạo:

2.1. Trên hợp đồng tạo Biên lai chưa giao cho Khách hàng, nếu phát hiện Biên lai tạo sai, Doanh nghiệp phải hủy các liên và lưu giữ số Biên lai tạo sai.

2.2. Trên hợp đồng Biên lai đã tạo và giao cho Khách hàng nhưng Doanh nghiệp chưa giao hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu phát hiện sai phải hủy bỏ, Doanh nghiệp và Khách hàng lập biên bản thu hồi các liên của số Biên lai đã tạo sai. Biên bản thu hồi Biên lai phải ghi rõ lý do thu hồi Biên lai. Doanh nghiệp phải hủy các liên, lưu giữ số Biên lai tạo sai và tạo lại Biên lai mua theo quy định.

2.3. Trường hợp Biên lai ã t o và giao cho Khách hàng, ã giao hàng hóa, cung ứng dịch vụ n u phát hi n sai sót ho c tr ãng h p c quan h i quan n ãnh thu ãi v i t khai h i quan ã thu thu :

2.3.1. ãi v i tr ãng h p ãi u ch nh t ãng s thu , l phí h i quan ph i n p: Doanh nghi p t o thêm Biên lai m i th hi n s thu , l phí ãi u ch nh t ãng, trong ó ghi rõ ãi u ch nh t ãng cho Biên lai s ..., ký hi u...

2.3.2. ãi v i tr ãng h p ãi u ch nh gi m s thu , l phí h i quan ph i n p: Doanh nghi p và Khách hàng ph i l p biên b n ho c có tho thu n b ãng v n b n ghi rõ sai sót ho c lý do ãi u ch nh gi m thu , l phí; ãi u ch nh gi m cho Biên lai s, ký hi u...

2.4. Trường hợp ã t o Biên lai theo úng quy ãnh nh ãng sau ó Doanh nghi p ho c Khách hàng làm m t, cháy, h ãng liên 2 Biên lai b n g c ã t o thì Doanh nghi p và Khách hàng l p biên b n ghi nh n s ãi c, trong biên b n ghi rõ Liên l c a Biên lai Doanh nghi p khai, n p thu , l phí H i quan trong tháng nào, ký và ghi rõ h tên c a ãng ãi ãi di n theo pháp lu t (ho c ãng ãi c y quy n), óng d u (n u có) trên biên b n và Doanh nghi p sao ch p liên l c a Biên lai, ký xác nh n c a ãng ãi ãi di n theo pháp lu t và óng d u trên b n sao Biên lai giao cho Khách hàng. Khách hàng c s d ãng Biên lai b n sao kèm theo biên b n v ãi c m t, cháy, h ãng liên 2 Biên lai ã làm ch ãng t k toán và kê khai thu . Doanh nghi p và Khách hàng ph i ch u trách nhi m v ã tính chính xác c a ãi c m t, cháy, h ãng Biên lai.

2.5. Trường hợp Biên lai ã t o nh ãng Khách hàng t ch i không nh n hàng ho c thay ãi ph ãng th c thông quan thì Doanh nghi p thu h i Biên lai và x lý theo h ãng d n t i kho n 4 ãi u 8 Thông t ã này.

2.6. ãi c x lý t i n thu , t i n ph t n p th a th c hi n theo h ãng d n t i ãi u 9 Thông t 100/2010/TT-BTC ãng 9/7/2010 c a B Tài chính.

3. S d ãng Biên lai b t h p pháp

3.1. S d ãng Biên lai b t h p pháp ã ãi c s d ãng Biên lai gi , Biên lai ch a có giá tr s d ãng, h t giá tr s d ãng.

Biên lai gi ã ãi biên lai c t o theo m u Biên lai ã c phát hành c a Doanh nghi p khác ho c t o trùng s c a cùng m t ký hi u Biên lai.

Biên lai ch a có giá tr s d ãng ã ãi biên lai ã c t o theo h ãng d n t i Thông t ã này, nh ãng ch a hoàn thành ãi c thông báo phát hành.

Biên lai h t giá tr s d ãng ã ãi biên lai ã làm th t c phát hành nh ãng Doanh nghi p phát hành thông báo không t i p t c s d ãng n a; các lo i biên lai b m t sau khi ã ãi thông báo phát hành c Doanh nghi p phát hành báo m t v i C c H i quan t ãnh/thành ph n i Doanh nghi p ãng ký t khai h i quan; Biên lai c a Doanh nghi p ã ãng ãng s d ãng mã s thu (hay còn g i ã ãi óng mã s thu).

3.2. M t s tr ng h p c th là Biên lai b t h p pháp:

- Biên lai có n i dung ghi không có th c m t ph n ho c to àn b .
- Biên lai có s ch ênh l ch v s thu , l phí h i quan ho c sai l ch các tỉ êu th c b t bu c gi a các liên c a Biên lai.

4. S d ng Biên lai sai m c ích:

4.1. S d ng Biên lai sai m c ích là vi c t o kh ng Biên lai; cho ho c bán Biên lai ch a t o Doanh nghi p khác s d ng; cho ho c bán Biên lai ã t o t ch c, cá nhân h ch toán, khai thu ho c thanh toán v n ngân sách; t o Biên lai không ghi y các n i dung b t bu c; t o Biên lai sai l ch n i dung gi a các liên ho c sai l ch n i dung v i h s h i quan.

4.2. M t s tr ng h p c th c xác nh là s d ng Biên lai sai m c ích:

- S d ng Biên lai c a Doanh nghi p khác gian l n thu , không kê khai n p thu .
- S d ng Biên lai mà các c quan h i quan, c quan công an ho c các c quan ch c n ng khác ã k t lu n là s d ng b t h p pháp Biên lai.

i u 8. Quy n lý Biên lai

1. nh k 6 tháng, tr c ngày mùng 10 c a tháng k t i p, các Doanh nghi p có trách nhi m n p báo cáo tình hình s d ng Biên lai cho C c h i quan t nh/thành ph n i Doanh nghi p ng ký t khai h i quan theo m u s 3 ban hành kèm theo Thông t này.

Tr ng h p Báo cáo không m b o n i dung theo úng quy nh th ì trong th i h n t i a m i (10) ngày làm vi c k t ngày nh n c Báo cáo, C c H i quan t nh/thành ph n i nh n Báo cáo c a Doanh nghi p ph i có v n b n thông báo cho Doanh nghi p bi t. Doanh nghi p có trách nhi m i u ch nh ra Báo cáo m i.

nh k 6 tháng, C c H i quan t nh/thành ph n i nh n Báo cáo c a Doanh nghi p có trách nhi m báo cáo công tác ki m tra, thanh tra, gi i quy t khi u n i t cáo vi ph m v Biên lai.

2. Doanh nghi p ch u trách nhi m quy n lý Biên lai ã t o ho c ch a t o, tr ng h p phát hi n m t, cháy, h ng Biên lai ã t o ho c ch a t o ph i l p báo cáo v vi c m t, cháy, h ng và thông báo v i C c H i quan t nh/thành ph n i Doanh nghi p ng ký t khai h i quan theo m u s 2 ban hành kèm theo Thông t này, ch m nh t không quá n m (05) ngày k t ngày x y ra vi c m t, cháy, h ng Biên lai.

3. L u tr , b o quy n Biên lai.

Biên lai c l u tr trong h th ng máy tính theo ch b o m t thông tin; và l u tr , b o quy n theo quy nh l u tr , b o quy n ch ng t k toán. Vi c

lưu trữ phi m b o khi c quan ch c n g yêu c u thì phi khai thác, ki m tra, in ra c biên lai t p h n m m.

4. H y Biên lai.

4.1. Biên lai c xác nh ã h y:

- Biên lai in th , in sai, in trùng, in th a, in h ng, c xác nh ã h y xong khi không còn nguyên d ng c a b t k m t t Biên lai nào ho c không còn ch trên t Biên lai có th l p ghép, sao ch p ho c khôi ph c l i theo quy ên b n;

- Biên lai c xác nh ã h y xong n u p h n m m t o Biên lai c can thi p không th t i p t c t o ra Biên lai.

4.2. Các tr ng h p h y Biên lai:

- Biên lai b in sai, in trùng, in th a phi c h y;

- Doanh nghi p không t i p t c s d ng Biên lai phi th c hi n hu Biên lai. Th i h n hu Biên lai ch m nh t là ba m i (30) ngày, k t ngày thông báo v i C c H i quan t nh/thành p h n i Doanh nghi p ng ký t khai h i quan. Tr ng h p Doanh nghi p còn l u gi Biên lai thu c các tr ng h p c quan h i quan ã thông báo h t giá tr s d ng, th i h n hu Biên lai ch m nh t là m i (10) ngày k t ngày c quan h i quan thông báo h t giá tr s d ng ho c t ngày tìm l i c Biên lai ã m t;

- Các lo i Biên lai ã t o c a các n v k toán c h y theo quy nh c a pháp lu t v k toán;

4.3. Th t c h y Biên lai c a Doanh nghi p:

4.3.1. Th t c hu Biên lai gi y:

- Các Doanh nghi p phi l p B ng ki m kê Biên lai c n h y;

- Các Doanh nghi p l p H i ng h y Biên lai. H i ng hu Biên lai phi có i di n lãnh o, i di n b p h n k toán c a Doanh nghi p;

- Các thành viên H i ng h y Biên lai phi ký vào biên b n h y Biên lai và ch u trách nhi m tr c pháp lu t n u có sai sót;

- H s h y Biên lai g m:

+ Quy t nh thành l p H i ng h y Biên lai;

+ B ng ki m kê Biên lai c n h y ghi chi t i t: tên Biên lai, ký hi u Biên lai, s l ng Biên lai h y (t s ... n s ... ho c kê chi t i t t ng s Biên lai n u s Biên lai c n hu không liên t c);

+ Biên b n h y Biên lai;

+ Thông báo k t qu h y Biên lai phi có n i dung: lo i, ký hi u, s l ng Biên lai h y t s ... n s , lý do h y, ngày gi h y, ph ng pháp h y theo m u s 4 ban hành kèm theo Thông t này.

H s h y Biên lai c l u t i Doanh nghi p s d ng Biên lai. Riêng Thông báo k t qu h y Biên lai c l p thành hai (02) b n, m t b n l u, m t b n g i n C c H i quan t nh/thành ph n i Doanh nghi p ng ký t khai h i quan ch m nh t không quá n m (05) ngày k t ngày th c hi n hu Biên lai.

4.3.2. Th t c hu Biên lai trên ph n m m:

- Biên lai ch a t o ph i c th c hi n hu trên ph n m m, m b o ph n m m t o Biên lai c can thi p không th ti p t c t o Biên lai;

- Biên lai ã t o th c hi n hu theo h ng d n t i i m 4.3.1, kho n 4 i u này và th c hi n hu trên ph n m m theo h ng d n t i i m 4.3.2 kho n 4 i u này;

- Vi c s a, xoá, in Biên lai trên ph n m m ph i m b o l u tr c tính l ch s .

Ch ng III

X PH T VI PH M V BIÊN LAI

i u 9. X ph t các hành vi vi ph m quy nh v Biên lai

1. X ph t vi ph m v Biên lai c th c hi n theo quy nh t i Ngh nh 185/2004/N -CP ngày 4/11/2004 v x ph t vi ph m hành chính trong l nh v c k toán và Ngh nh s 39/2011/N -CP ngày 26/5/2011 s a i, b sung m t s i u c a Ngh nh 185/2004/N -CP.

2. Tr ng h p vi ph m v Biên lai mà d n n hành vi khai sai làm thi u s ti n thu , l phí ph i n p ho c t ng s ti n thu , l phí c hoàn ho c d n n hành vi tr n thu , gian l n thu thì x ph t các hành vi ó theo quy nh c a pháp lu t v thu , h i quan.

i u 10. Th m quy n x ph t vi ph m v Biên lai

1. Th m quy n x ph t vi ph m v Biên lai c th c hi n theo quy nh t i các i u 29, 30, 36 và 38 Pháp l nh X lý vi ph m hành chính và Ngh nh 185/2004/N -CP ngày 4/11/2004 v x ph t vi ph m hành chính trong l nh v c k toán, Ngh nh s 39/2011/N -CP ngày 26/5/2011 s a i, b sung m t s i u c a Ngh nh 185/2004/N -CP.

2. Tr ng h p vi ph m có liên quan n ho t ng in Biên lai gi n m c truy c u trách nhi m hình s thì chuy n h s n c quan có th m quy n kh i t theo quy nh c a pháp lu t.

3. C quan ti n hành t t ng có trách nhi m thông báo k t qu x lý các hành vi vi ph m v Biên lai cho c quan ã ngh truy c u trách nhi m hình s .

4. i v i tr ng h p ã ra quy t nh x ph t, n u sau ó phát hi n hành vi vi ph m có d u hi u t i ph m mà ch a h t th i hi u truy c u trách nhi m hình s thì ng i ã ra quy t nh x ph t ph i h y quy t nh ó và trong th i h n ba

(03) ngày, kể từ ngày họ quy định xong phần, phải chuyển hồ sơ về văn phòng cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền.

Chương IV

KIỂM TRA, THANH TRA, GIẢI QUYẾT KHI VI PHẠM, TỐ CÁO VI PHẠM VÀ BIÊN LAI

Điều 11. Kiểm tra, thanh tra về việc, phát hành, quản lý và sử dụng Biên lai

1. Kiểm tra và thanh tra về việc.

1.1. Cơ quan thanh tra nhận báo cáo tố giác khai báo vi phạm thanh toán kiểm tra về việc, phát hành, quản lý và sử dụng Biên lai trên báo cáo tình hình sử dụng Biên lai của các Doanh nghiệp. Thời hạn là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo tình hình sử dụng Biên lai của Doanh nghiệp, cơ quan thanh tra phải tiến hành việc kiểm tra.

1.2. Trường hợp cơ quan thanh tra phát hiện có dấu hiệu vi phạm, trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện, cơ quan thanh tra có văn bản yêu cầu Doanh nghiệp báo cáo giải trình.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu giải trình, Doanh nghiệp phải có báo cáo giải trình gửi cơ quan thanh tra.

2. Kiểm tra Biên lai và thanh tra của Doanh nghiệp sử dụng Biên lai.

2.1. Trường hợp Doanh nghiệp không giải trình hoặc giải trình không thoả đáng, cơ quan thanh tra ban hành quy định kiểm tra Biên lai và thanh tra của Doanh nghiệp.

2.2. Nội dung kiểm tra Biên lai quy định trong quy định về kiểm tra và thanh tra về việc: các pháp lý về kiểm tra; nội dung kiểm tra; phạm vi kiểm tra; thời gian tiến hành kiểm tra; trường hợp kiểm tra và các thành viên của đoàn kiểm tra; quy định và trách nhiệm của đoàn kiểm tra và nội dung kiểm tra.

2.3. Cơ quan thanh tra nhận báo cáo tố giác khai báo vi phạm thanh toán kiểm tra Biên lai cùng với việc kiểm tra sau thông quan và chịu trách nhiệm về quy định về kiểm tra.

2.4. Thời hạn là ba (03) ngày làm việc kể từ ngày ký quy định, quy định về kiểm tra Biên lai và thanh tra của Doanh nghiệp phải gửi cho Doanh nghiệp. Trong thời gian ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quy định về kiểm tra Biên lai hoặc trực tiếp tiến hành kiểm tra Biên lai và thanh tra của Doanh nghiệp, nếu Doanh nghiệp chứng minh được việc tố giác, phát hành, sử dụng và quản lý Biên lai đúng quy định thì Trưởng cơ quan thanh tra phải quy định về bãi bỏ quy định về kiểm tra Biên lai.

2.5. Thời gian không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ban hành quy định kiểm tra, các quan hệ quan phòng tiến hành kiểm tra Biên lai từ trước Doanh nghiệp.

Thời gian kiểm tra Biên lai từ trước của Doanh nghiệp không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm tra. Trong trường hợp cần thiết thì Trưởng cơ quan Hệ quan có thể gia hạn thời gian kiểm tra một lần, thời gian gia hạn không quá năm (05) ngày làm việc.

Biên bản kiểm tra có hiệu lực cho từng ngày kiểm tra.

Doanh nghiệp bị kiểm tra có quyền nêu biên bản kiểm tra Biên lai, yêu cầu ghi thích nội dung Biên bản kiểm tra và bổ sung ý kiến trong Biên bản kiểm tra (nếu có).

2.6. Xử lý kết quả kiểm tra:

- Chậm nhất năm (05) ngày làm việc kể từ ngày ký Biên bản kiểm tra của Doanh nghiệp bị kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra phải báo cáo ngay ra quy định kiểm tra và kết quả kiểm tra. Trường hợp phát sinh hành vi vi phạm phải xử phạt vi phạm hành chính thì trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản, Trưởng cơ quan Hệ quan phải ra quy định xử phạt vi phạm hành chính. Doanh nghiệp bị kiểm tra có nghĩa vụ chấp hành quy định xử lý kết quả kiểm tra.

- Trường hợp qua kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm về quản lý, sử dụng Biên lai dẫn đến phải xử lý về thu thì tu theo tính chất, mức độ vi phạm mà cơ quan Hệ quan ban hành quy định kiểm tra, thanh tra và thu theo quy định của Luật Hệ quan, Luật Quản lý thu, Luật Thanh tra và quy trình kiểm tra, thanh tra và thu.

3. Thanh tra về Biên lai

Việc thanh tra về Biên lai có kết hợp với việc thanh tra chấp hành pháp luật thuế hệ quan từ trước ngành sản phẩm.

Điều 12. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về Biên lai

Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về Biên lai hướng dẫn từ Thông tư này thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương V TỔNG QUÁT

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/01/2012.

Điều 14. Trách nhiệm thi hành

1. Cơ quan hệ quan có trách nhiệm phân bổ, hướng dẫn các Doanh nghiệp, thực hiện theo nội dung Thông tư này, kiểm tra và xử lý các vi phạm của Doanh nghiệp sử dụng Biên lai.

2. Các Doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến vị trí, phát hành và sử dụng Biên lai thanh toán y các hình thức đ n t i Thông t này.

Trong quá trình thanh toán n u có vướng mắc, ngh các t ch c, cá nhân ph n ánh k p th i v B Tài chính nghiên c u gi i quy t./.

Nơi nhận:

- Thủ t ng Chính ph ; các Phó Thủ t ng CP;
- Văn phòng Quốc h i;
- Văn phòng Chủ tịch n c;
- Văn phòng Chính ph ;
- Văn phòng T và các Ban c a ng;
- Văn phòng Ban ch o T v phòng ch ng tham nh ng;
- Các B , c quan ngang B , c quan thu c Chính ph ;
- Viện Ki m sát nhân dân t i cao;
- Tòa án nhân dân t i cao;
- HĐND, UBND các t nh, thành ph ;
- K m toán Nhà n c; Công báo;
- Phòng Th ng m i và Công nghi p Vi t Nam;
- Các k m tra v n b n (B T pháp);
- Website CP; Website BTC; Website TCHQ;
- Các n v thu c B và tr c thu c B ;
- Các n v thu c và tr c thu c T ng c c H i quan;
- Lưu: VT, TCHQ.

**KT. B TR NG
TH TR NG**

Hoàng Anh Tuấn

M u s 1:

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH BIÊN LAI
(L n th

1. Tên Doanh nghi p phát hành Biên lai (Công ty A):
2. Mã s thu :
3. a ch tr s chính:
4. i n tho i:
5. Lo i Biên lai phát hành:

STT	Tên Biên lai	M u s	Ký hi u	T s	Ngày b t u s d ng
	Biên lai thu thu , l phí h i quan	xxx	AA/2011	0000001	01/01/2012

6. Thông tin n v ch qu n (tr ng h p n v t in Biên lai là các chi nhánh, n v tr c thu c):
 - Tên n v :
 - Mã s thu :
7. Tên c quan h i quan tí p nh n thông báo:

....., ngày.....tháng.....n m.....
NG I I DI N THEO PHÁP LU T
(Ký, óng d u và ghi rõ h tên)

N i nh n:

- C quan HQ n i Doanh nghi p m t khai h i quan;
- L u.

M u s 2:

C N G H O A X ã H I C H N G H A V I T N A M
c l p - T ò - H ã nh p h ú c

....., ng à y.....th á ng.....n m 20.....

B Á O C Á O M T, C H Á Y, H ã N G B I Ê N L A I

T ê n D o a n h n g h i p l à m m t, c h á y, h ã n g B i ê n l a i:.....

M ã s t h u :.....

a c h :.....

H ã i g ing à y.....th á ng.....n m....., D o a n h n g h i p p h á t h i n b m t, c h á y, h ã n g B i ê n l a i n h s a u:

STT	Tên Biên lai	M u s	Ký hi u Biên lai	T s	n s	S l ã ng	Liên Biên lai	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Biên lai thu thu , l p h i quan							Biên lai ã s d ã ng h o c c h a s d ã ng (ã p h á t h à n g h o c c h a p h á t h à n h)

L ý d o m t, c h á y, h ã n g B i ê n l a i:

.....

D o a n h n g h i p c a m k t: V i c k h a i b á o t r ê n l à ú n g s t h t, n u p h á t h i n k h a i s a i D o a n h n g h i p x i n c h u t r á c h n h i m t r c p h á p l u t.

N ã i n h n:

- C q u a n H Q n ã i D o a n h n g h i p m t k h a i h i q u a n;
- L u.

NG ã I ã I D I N T H E O P H Á P L U T

K ý ó n g d u và g h i r ò h t ê n

M u s 3:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH S D NG BIÊN LAI THU THU VÀ L PHÍ H I QUAN DO DOANH NGHI P T IN

Quý.....n m.....

1. Tên Doanh nghi p:.....

2. Mã s thu :

3. a ch :

n v tính: S

STT	Tên Biên lai	Ký hi u	S l ng in, phát hành trong k	S d ng trong k					Ghi chú
				S d ng	Xóa b	M t	H y	C ng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Biên lai thu thu , l phí h i quan				Biên lai ã t o nh ng b sai (Quy nh t i i m 2.1, 2.2 i u 7)		Các tr ng h p quy nh t i i m 4, i u 8		

Cam k t báo cáo tình hình s d ng Biên lai trên ây là úng s th t, n u có gì sai trái, doanh nghi p ch u hoàn toàn trách nhi m tr c pháp lu t.

.....ngày.....tháng.....n m.....

N i nh n:

- C quan HQ n i Doanh nghi p m t khai h i quan;

- L u

Ng i l p bi u **NG I I DI N THEO PHÁP LU T**
(Ký, ghi rõ h tên) Ký, ghi rõ h , tên và óng d u (n u có)

C N G HOÀ XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p - T ðo - H nh phúc

THÔNG BÁO K T QU H Y BIÊN LAI

Ngày..... tháng..... n m.....

Kính g i:.....

Tên Doanh nghi p:.....

Mã s thu :.....

a ch :.....

Ph ãng pháp h y Biên lai:.....

H i gingày.....tháng.....n m....., (Doanh nghi p) thông báo h y
 Biên lai nh ã sau:

STT	Tên Biên lai	M u s	Ký hi u Biên lai	T s	n s	S l ãng
1	2	3	4	5	6	7
	Biên lai thu thu , l phí h i quan		AA/2011	0000001	0000010	10

Ngày..... tháng.....n m.....

Ng i l p bi u
 (Ký, ghi rõ h tên)

NG I I DI N THEO PHÁP LU T
 (Ký, óng d u và ghi rõ h tên)